



# NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI

GS.TS ĐINH VĂN TIẾN\*

## 1. Các nguyên tắc cơ bản của WTO.

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) là một tổ chức hoạt động độc lập với Liên hiệp quốc theo những nguyên tắc rất cơ bản với văn phong hành chính ngắn gọn, đơn giản nhưng tính pháp lý cao ở tầm cỡ quốc tế.

- Nguyên tắc thứ nhất: Không phân biệt đối xử.

Mỗi sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của mỗi thành viên được đối xử bình đẳng đối với các thành viên khác; kể cả đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu, đối với các tổ chức, công dân của mọi nước thành viên. Theo nguyên tắc này, sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp (DN) Việt Nam được đối xử bình đẳng với hàng hoá cùng loại của DN thuộc các nước thành viên khác. Đây chính là thuận lợi cho các DN Việt Nam nhưng mặt khác, những cam kết song phương như giảm thuế xuất thấp áp dụng với những mặt hàng cụ thể từ một số nước cho tất cả các thành viên được hưởng hoặc việc phải loại bỏ ưu đãi một số mặt hàng trong nước như ưu đãi thuế tiêu thụ đặc biệt, chi phí sử dụng điện,... là các khó khăn mà các DN gặp phải.

- Nguyên tắc thứ hai: Thương mại phải ngày càng được tự do thông qua đàm phán.

Đàm phán đa phương thuế quan của các thành viên được giảm nhanh, hàng rào thuế nhập khẩu cũng giảm dần, hạn chế định lượng bị cấm sử dụng, cơ hội ngang

bằng hơn cho mọi DN. Các hàng rào cản trở thương mại dần dần được loại bỏ, các cuộc đàm phán song phương và đa phương tạo điều kiện để các nhà sản xuất - kinh doanh hiểu biết lẫn nhau về sở trường, mặt hàng và cơ cấu, từ đó tạo lập chiến lược kinh doanh có hiệu quả. Tuy nhiên, những thách thức mới sẽ đồng thời xảy ra; nhiều đặc quyền của một số DN sẽ bị loại bỏ; những ràng buộc về thuế trần cũng được tạo ra, nhiều bất cập trước quan hệ quốc tế.

- Nguyên tắc thứ ba: Dễ dự đoán.

Các tập đoàn kinh tế, các nhà sản xuất - kinh doanh dựa trên cơ sở hệ thống bảo hộ của các đối tác theo chiều hướng giảm có thể vạch ra những chiến lược và kế hoạch dài hạn. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tin tưởng vào các hàng rào thương mại, các cam kết thuế quan và các biện pháp ràng buộc pháp lý. Điều đó tạo thuận lợi lớn trong sản xuất - kinh doanh. Cũng từ đây những khó khăn lớn của các DN sản xuất hàng hóa và cung cấp dịch vụ là trực diện trong cạnh tranh với hàng nhập khẩu và dịch vụ trong nước và nước ngoài.

- Nguyên tắc thứ tư: Tạo ra môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng.

Hầu hết các nước phát triển phải giảm trợ cấp cho nhiều hàng hóa; từ đó, các DN có sức cạnh tranh tăng lên, hạn chế các biện pháp cạnh tranh không bình đẳng như

\* Phó Giám đốc Học viện Hành chính.

phá giá, trợ giá hay đặc quyền cho một số DN. Chính vì vậy, cần có cơ chế và bộ máy hành chính chống cạnh tranh không lành mạnh. Nhiều DN sẽ mất đặc quyền trong xuất, nhập khẩu.

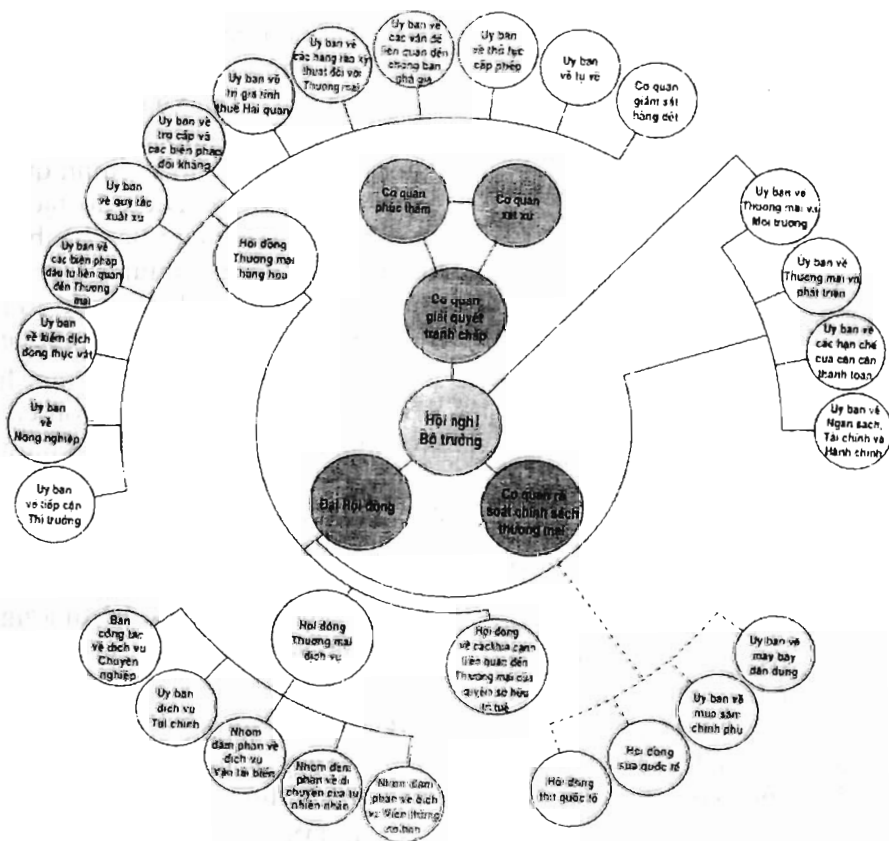
- Nguyên tắc thứ năm: Dành cho các thành viên đang phát triển một số ưu đãi.

Có thể duy trì chính sách bảo hộ cho các ngành sản xuất non trẻ có tiềm năng trong tương lai trong một thời gian xác định như cho quyền và không phải thực hiện một số nghĩa vụ hay có thời gian quá

độ dài hơn để thực hiện từng bước điều chỉnh chính sách. Nhưng chính điều đó cũng tạo ra những sự y lại không bình đẳng trong cạnh tranh, làm giảm sức mạnh cạnh tranh trong điều kiện không ưu đãi.

2. Bộ máy quản lý hành chính của WTO.

Bộ máy quản lý hành chính của WTO được tổ chức một cách chặt chẽ, hoàn chỉnh, gọn nhẹ, bao quát đầy đủ các mặt hoạt động, thể hiện qua sơ đồ sau:



Đây là một bộ máy quản lý hành chính kinh tế trong phạm vi quốc tế đã đạt đến một trình độ cao, đáp ứng các yêu cầu hoạt động sau:

- Phân rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung công việc, chỉ rõ các mối quan hệ ngang, quan hệ trên dưới, quan hệ đa phương và song phương giữa các tổ chức trong toàn hệ thống.
- Hoạt động có hiệu lực và hiệu quả cao.

- Bình đẳng và độc lập trong mọi tổ chức.

Bộ máy hành chính kinh tế quốc tế này đã bao trùm và điều chỉnh đa số thương phần trong toàn bộ hoạt động thương mại quốc tế.

Cơ quan quyền lực cao nhất của tổ chức này là Hội nghị Bộ trưởng. Hội nghị Bộ trưởng được họp ít nhất hai năm một lần, giữa hai kì hội nghị, có Đại hội đồng bao gồm đại diện có thẩm quyền của tất cả các thành viên. Đây là cơ quan thường trực báo cáo lên Hội nghị Bộ trưởng và có vai trò giải quyết tranh chấp, rà soát chính sách của toàn hệ thống. Dưới Đại hội đồng là Hội đồng Thương mại hàng hóa, Hội đồng Thương mại du lịch và Hội đồng về các khía cạnh liên quan đến Thương mại của quyền sở hữu trí tuệ. Các Hội đồng có trách nhiệm điều hành việc thực hiện Hiệp định WTO. Tham gia các Hội đồng là đại diện các thành viên. Trực thuộc các Hội đồng là các ủy ban và cơ quan giám sát tương ứng.

Từ khi ra đời và hoạt động đến nay, tổ chức này đã đạt được những đồng thuận rất cơ bản. Có thể nói, phần lớn các quyết định của WTO đều thông qua trên cơ sở đồng thuận. Tuy nhiên, cũng có nhiều quyết định được thực hiện thông qua việc bỏ phiếu của các thành viên bình đẳng và có giá trị ngang nhau.

Bộ máy quản lý hành chính của WTO hoạt động trên nguyên tắc bình đẳng trong thương mại đã tạo ra một nền thương mại thế giới giữa các DN, giữa các quốc gia vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi từng quốc gia cũng như phạm vi toàn cầu.

### **3. Thời cơ đối với doanh nghiệp Việt Nam.**

#### *a. Thời cơ.*

Các DN Việt Nam đã tiếp cận tới thị trường của tất cả các thành viên trên cơ sở quan hệ bình đẳng của WTO; cũng đã thể hiện đầy đủ sức cạnh tranh, đầy đủ sự hợp tác với thị trường thế giới. Tuy nhiên, các DN vừa và nhỏ của Việt Nam cũng cần

phải nhìn rõ những lợi thế của mình trong hội nhập WTO, đó là:

- Các DN Việt Nam nằm ở vị trí địa lý thuận lợi, không xa giữa các trung tâm kinh tế thương mại Bắc - Nam, Đông - Tây của thế giới nên các DN Việt Nam có cơ hội phát triển những ngành kinh tế quan trọng trong hội nhập kinh tế WTO như bưu chính viễn thông, hàng hải, hàng không, đường sắt, đường bộ, dịch vụ cảng biển...

- Các DN Việt Nam có nguồn nhân lực dồi dào trước mắt, hiện tại là chi phí lao động thấp.

- Nguồn tài nguyên thiên nhiên của các DN Việt Nam phong phú, đủ điều kiện để phát triển những ngành công nghiệp nặng, công nghiệp để sản xuất ra tư liệu sản xuất (khu vực I), đồng thời sản xuất tư liệu tiêu dùng (khu vực II) hoàn chỉnh quá trình tái sản xuất mở rộng. Điều đó tạo điều kiện cho các DN Việt Nam tiến hành hoạt động thương mại không những trong phạm vi nội tại của nền kinh tế quốc gia mà còn trong phạm vi thương mại quốc tế.

- Trong những năm tháng hội nhập WTO, các DN Việt Nam luôn có một chế độ chính trị ổn định, một nền tảng quan hệ kinh tế đa phương hóa, đa dạng hóa, muốn hợp tác với tất cả các thành viên WTO và các nước trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền. Lợi thế đó tạo ra nền tảng để phát triển quan hệ thương mại đạt hiệu quả cao.

#### *b. Thách thức.*

Bên cạnh những lợi thế đó, các DN Việt Nam cũng gặp phải không ít những khó khăn, thách thức:

- Các DN Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ, nhiều tổng công ty và tập đoàn kinh tế ra đời nhưng khung pháp lý và cơ chế hoạt động còn đang trong quá trình hoàn thiện. Do đó, sức cạnh tranh về giá cả, chất lượng, công nghệ, trí tuệ và nhân tài còn yếu trên thương trường.

*(Xem tiếp trang 9).*

quả mà nhà quản lý mong muốn người thực hiện công việc đạt được, bao gồm số lượng, chất lượng và thời hạn hoàn thành công việc. Tuy nhiên, trong quản lý chuyên môn, nghiệp vụ không phải lúc nào cũng có thể xác định các tiêu chí trên một cách rõ ràng. Nếu xây dựng được các tiêu chuẩn thực hiện công việc mang tính định lượng cao sẽ có tác dụng tích cực trong công tác tuyển dụng và đánh giá công chức trên cơ sở so sánh năng lực và các tiêu chí được xác định. Bởi vậy, đối với các nhiệm vụ có thể lượng hoá được thì phải xây dựng các tiêu chuẩn thực hiện công việc theo số lượng, chất lượng, thời hạn. Đối với các nhiệm vụ khó lượng hoá thì gắn chúng với các quy định hoặc yêu cầu của quy trình công việc để đảm bảo hiệu quả của công tác đánh giá.

### 3. Trả lương.

Khi đã xác định các yêu cầu, điều kiện đối với vị trí việc làm, cơ quan quản lý công chức cần xác định mức lương tương ứng với vị trí đó. Phải đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc “bằng lương, bằng việc”. Trong những trường hợp đặc biệt có thể tạo ra một cơ chế linh hoạt hơn thông qua việc

thoả thuận mức lương trên cơ sở yêu cầu, tính chất phức tạp của công việc và năng lực của ứng viên (ở các vị trí quản lý cấp cao hoặc vị trí đòi hỏi năng lực đặc biệt). Điều này sẽ là động lực thu hút những người giỏi tham gia nền công vụ.

Đổi mới nội dung và hình thức TTCC là yêu cầu cần thiết hiện nay trong bối cảnh cải cách hành chính và hội nhập quốc tế. TTCC theo vị trí việc làm sẽ lựa chọn được người có đủ năng lực, phẩm chất, kỹ năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Mặt khác, hệ thống tiêu chí được sử dụng trong thi tuyển theo vị trí việc làm sẽ là cơ sở để đánh giá công chức một cách minh bạch, khách quan, tạo động lực thực thi công vụ và hạn chế sự thiên vị cá nhân. Do đó, các văn bản hướng dẫn cần sớm được thông qua để *Luật Cán bộ, công chức* nhanh chóng được triển khai trong thực tế. Đồng thời, phải xây dựng được đồng bộ hệ thống bảng phân tích công việc (bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn công việc) và mức lương cho từng vị trí tại các cơ quan, đơn vị, tạo cơ sở để thực hiện có hiệu quả, đúng mục đích công tác tuyển dụng công chức ở nước ta trong thời gian tới. □

\* \* \* \* \*

## NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ...

(Tiếp theo trang 4)

- Là một quốc gia hội nhập sau trong thương trường WTO, do đó, Việt Nam còn thiếu những kinh nghiệm về quản lý, về hợp tác và cạnh tranh quốc tế. Các DN Việt Nam đã gặp không ít khó khăn trong cạnh tranh các mặt; cụ thể về thuế, giá cả, thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ, về khung pháp lý của quốc gia và của quốc tế.

Nghiên cứu, tìm hiểu tổ chức bộ máy,

nguyên tắc hoạt động của WTO và từ thực tiễn trong thời gian hội nhập vừa qua của các DN Việt Nam, bước đầu, chúng ta có thể nhận định và tin tưởng rằng, các DN Việt Nam đã nhận thức vận dụng được cơ chế hoạt động của WTO, phát huy những lợi thế và khắc phục những thách thức để có được những hiệu quả trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển, từng bước vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế trong khu vực và trên thế giới. □